

Số: 336/BC-THCSCVA

Cẩm Phả, ngày 19 tháng 6 năm 2026

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM HỌC 2025-2026**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin chung**

- Tên cơ sở giáo dục : Trường trung học cơ sở Chu Văn An
- Địa chỉ : Tổ 7, Khu Diêm Thủy (Cẩm Bình), phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Loại hình cơ sở giáo dục : Công lập. Cơ quan quản lý trực tiếp : UBND phường Cẩm Phả.

**- Sứ mạng :**

Tạo dựng được môi trường nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao ; phát huy tính sáng tạo, khả năng thích ứng và năng lực tư duy của mỗi học sinh.

Đào tạo học sinh trở thành những công dân có lý tưởng sống cao đẹp, phát triển toàn diện về nhân cách, mạnh khỏe về thể chất, vững về tri thức, giỏi về kỹ năng, có lối sống đạo đức lành mạnh, có tư duy độc lập và khả năng hội nhập, biết giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc.

**- Tầm nhìn**

Là ngôi trường giáo dục chất lượng cao, nằm trong nhóm dẫn đầu tỉnh Quảng Ninh về chất lượng dạy và học; là sự lựa chọn ưu tiên của cha mẹ học sinh và học sinh có khát vọng vươn lên mạnh mẽ; là cộng đồng những người biết học tập suốt đời và được trang bị tốt cho tương lai.

**- Mục tiêu giáo dục**

+ Môi trường: Đổi mới căn bản và toàn diện bảo đảm mang lại cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường thuận lợi để có thể phát huy năng lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp phát triển giáo dục; tạo cho học sinh môi trường học tập khang trang, hiện đại, an toàn và năng động, không ngừng nâng cao chất lượng.

- Giáo dục: Giáo dục học sinh có nhận thức đúng đắn về giá trị đạo đức, nhân cách, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội. Có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, ý thức làm chủ; biết hợp tác, giao tiếp hiệu quả và học tập suốt đời; có trình độ về ngoại ngữ, tin học; bồi dưỡng lòng yêu nước nồng nàn, tự hào dân tộc gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và khát vọng góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Phương pháp: Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Dạy học theo phát triển phẩm chất, năng lực; học tập tích cực, hợp tác toàn diện, tư duy độc lập và khát vọng vươn lên.

## 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THCS Chu Văn An được thành lập theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc thành lập Trường THCS Chu Văn An; Trường bắt đầu vào hoạt động từ năm học 2018-2019 với mục tiêu trở thành mô hình giáo dục tiêu biểu chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho thành phố, là mô hình đi đầu để triển khai đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương. Trường được xây dựng theo hướng là trung tâm đào tạo, nhân rộng về chất lượng giáo dục mũi nhọn, các hội thảo về đổi mới giáo dục cho khối THCS.

Trải qua 8 năm xây dựng và phát triển, trường luôn đứng đầu thành phố Cẩm Phả (trước đây) về chất lượng giáo dục và đào tạo, trường được UBND tỉnh tặng Cờ thi đua dẫn đầu khối THCS (năm học 2020-2021), được nhận Bằng khen của UBND tỉnh (năm học 2019-2020; 2021-2022, 2024-2025) và nhiều Giấy khen của Sở Giáo dục và Đào tạo, của UBND thành phố Cẩm Phả (trước 01/7/2025), UBND phường Cẩm Phả.

Trường được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh công nhận đạt Kiểm định chất lượng cấp độ 2 theo Quyết định số 177/QĐ-SGDĐT ngày 09/10/2023; công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1752/QĐ-SGDĐT ngày 27/12/2023.

## 3. Thông tin người đại diện

Bà Nguyễn Thị Bắc, chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0934292899

Địa chỉ thư điện tử: [nguyenthibac.cp@campha.edu.vn](mailto:nguyenthibac.cp@campha.edu.vn)

## 4. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Trường THCS Chu Văn An được thành lập theo Quyết định số 3646/QĐ-UBND ngày 07/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 17/9/2024 của UBND thành phố Cẩm Phả về việc kiện toàn Hội đồng trường THCS Chu Văn An nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng trường gồm 13 người:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Bà Nguyễn Thị Bắc	Bí thư cấp ủy- Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐT
2	Ông Đặng Chí Quyết	Phó Hiệu trưởng	Thành viên
3	Bà Bùi Hương Thuỷ	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
4	Bà Hoàng Thị Thảo	Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí	Thành viên

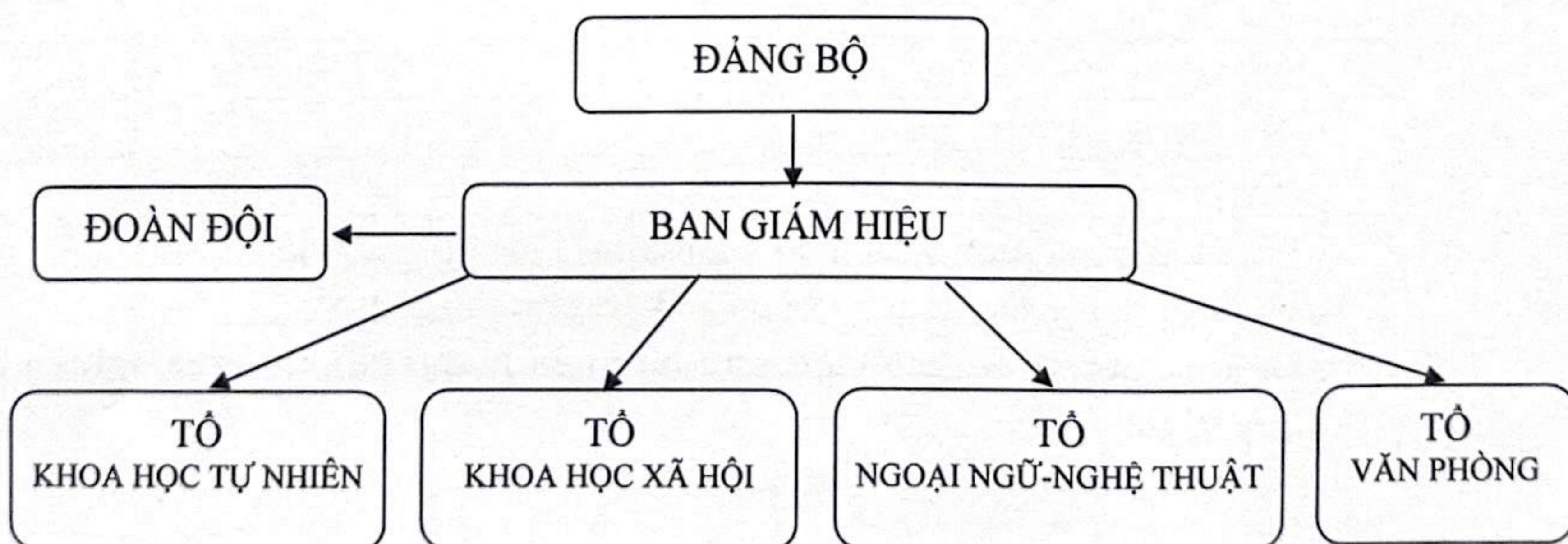
		Minh	
5	Bà Nguyễn Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Vân	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
7	Bà Đỗ Thị Bích Phượng	Tổ trưởng chuyên môn	Thành viên
8	Bà Trần Thị Thu Hương	Giáo viên - Tổng phụ trách đội	Thành viên
9	Bà Dương Tú Quỳnh	Giáo viên – Thư ký hội đồng	Thư ký HĐT
10	Bà Dương Thị Oanh	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thành viên
11	Bà Nguyễn Thị Kim Hiên	Phó Chủ tịch UBND phường Cẩm Bình	Thành viên
12	Ông Dương Công Lượng	Đại diện cha mẹ học sinh trường	Thành viên
13	Em Hoàng Cẩm Vân	Đại diện học sinh	Thành viên

Chủ tịch Hội đồng trường là bà Nguyễn Thị Bắc, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng nhà trường theo Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026.

c) Trường THCS Chu Văn An có Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng Nguyễn Thị Bắc được bổ nhiệm theo Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ; Phó Hiệu trưởng Đặng Chí Quyết được bổ nhiệm theo Quyết định số 4286/QĐ-UBND ngày 07/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả về việc bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Chu Văn An; Phó Hiệu trưởng Nguyễn Thị Thu Hà được bổ nhiệm theo Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 15/10/2025 của UBND phường Cẩm Phả về việc điều động và bổ nhiệm có thời hạn đối với bà Nguyễn Thị Thu Hà giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Chu Văn An.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của trường THCS Chu Văn An thực hiện theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của trường THCS Chu Văn An:



## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo

### 1.2. Biên chế

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				Hạng CDNN				Chuẩn nghề nghiệp			
			ThS	ĐH	CD	TC	I	II	III	IV	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số GV, CBQL và NV biên chế	42	11											
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>35</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		<b>25</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>30</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Toán	6	3	3				3	3		5	2		
	Lý	1	1					1			1			
	Hóa	2	1	1				1	1		1	1		
	Sinh	2		2				2			2			
	Ngữ văn	8	3	5				4	4		7	1		
	Lịch sử	2	1	1					2		2			
	Địa lý	1		1				1			1			
	Tiếng Anh	5		5				5			5			
	GĐTC	2	1	1				2			1	1		
	Tin học	1		1				1			1			
	Mĩ thuật	1		1				1			1			
	Âm nhạc	1		1				1			1			
	Công nghệ	1		1				1			1			
	GĐCD	1		1				1			1			
	TPT	1		1				1			1			
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0
	Phó Hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>4</b>		<b>3</b>	<b>1</b>									
	NV văn thư	1		1										
	NV kế toán	1		1										
	NV thiết bị TN	1		1										
	NV y tế	1			1									

1.2. Hợp đồng giáo viên theo Nghị định 111: 08 giáo viên

1.3. Hợp đồng lao động: 3 bảo vệ, 3 vệ sinh lao công.

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- 02 đồng chí Phó hiệu trưởng đánh giá chuẩn nghề nghiệp loại Tốt.

- Giáo viên: 30 đồng chí giáo viên đạt loại tốt đạt tỉ lệ: 85,7%; 05 đồng chí đạt loại khá, đạt tỉ lệ 14,3%.

- Giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111: 08/08 giáo viên được đánh giá loại Khá.

(*Riêng Hiệu trưởng chờ kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp từ Sở GD&ĐT*)

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:  $38/38=100\%$  (trong đó 03 CBQL, 35 GV)

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

- Địa chỉ trụ sở: Tổ 7, khu Diêm Thủy (Cẩm Bình), phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 0203.3863.188; 0339919848

- Diện tích : 10.343,7m<sup>2</sup>

- Mục đích sử dụng: Hoạt động giáo dục.

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh đạt chuẩn: 9,3 m<sup>2</sup>/ học sinh (Điều 13 Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT quy định khu vực trung tâm các đô thị có quỹ đất hạn chế cho phép bình quân tối thiểu 8m<sup>2</sup> cho một học sinh)

Nội dung	Số lượng	Bình quân số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>Số phòng học</b>	28	0,0287
<b>Loại phòng học</b>		
Phòng học kiên cố	28	
Số phòng học bộ môn	6	
Bình quân lớp/phòng học	1	
Bình quân học sinh/lớp	42,8	
<b>Số điểm trường</b>	1	
<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	10.347,7	10,6926
<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2700	2,7664
<b>Tổng diện tích các phòng</b>	3167,87	
Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	1638	1,6783
Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	479,25	0,4910
Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )	51,84	0,0531
Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	155,52	0,1593
Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )	765,5	0,7843
Diện tích phòng khác (Truyền thống.)(m <sup>2</sup> )	77,76	0,0797
<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		
Khối lớp 6	1	0,2 bộ/lớp

Khối lớp 7	1	0,33 bộ/lớp
Khối lớp 8	1	0,5 bộ/lớp
Khối lớp 9	1	0,5 bộ/lớp
<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	0	
<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>	4	0,4/lớp
Ti vi	4	
Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	3	0,3/lớp
Thiết bị khác (máy in, photo)	1	

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	1

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	12/364,98	144	2,53
XIII	Khu nội trú	4/120,96	48	2,52

XIV	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		3		0.14
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0		0		

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

#### **IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**

##### **1. Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.**

Đạt Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2, Trường Chuẩn Quốc gia mức độ 1 từ năm 2023.

##### **2. Kế hoạch cải tiến.**

###### **2.1. Năm học 2025-2026**

Thực hiện phát triển chiến lược nhà trường giai đoạn 2026-2030, các kế hoạch chiến lược hằng năm, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn. Đảm bảo tốt việc quản lý hành chính, học chính và tài chính; Tích cực đổi mới công tác dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao năng lực cá nhân từng học sinh. Đổi mới công tác bồi dưỡng giáo viên, chú trọng việc tự học, tự bồi dưỡng của giáo viên và bồi dưỡng nâng cao năng lực và dạy và học Tiếng Anh; Tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành đầu tư thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đáp ứng yêu cầu trường chuẩn Quốc gia (cấp độ 2) và để đảm bảo đáp ứng dạy và học 2 buổi/ngày cũng như tổ chức các hoạt động giáo dục khác; Bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phòng bộ môn, xây dựng phương án bố trí đủ số lượng, cơ cấu phòng bộ môn, bổ sung nhà để xe giáo viên để đảm bảo các tiêu chí về cơ sở vật chất của kiểm định chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu trường đạt chuẩn Quốc gia đồng thời là tiền đề nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Tham mưu các cấp quản lý bổ sung nhân viên thư viện cho trường.

###### **2.2. Nội dung thực hiện những năm tiếp theo.**

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học. Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh. Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn. Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày và triển khai Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học”; xây dựng phòng học thực hành STEM; duy trì và phát huy các thành tích đã đạt được trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và chất lượng thi tuyển sinh lớp 10 THPT.

#### **V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

##### **1. Thông tin tuyển sinh:**

- Số hs tuyển sinh đầu cấp (lớp 6): 270 học sinh

## 2. Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
<b>I</b>	<b>Kết quả rèn luyện</b>					
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1111 99,8%	270 100%	313 99,7%	312 100%	216 99,8%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,2%	0	1 0,3%	0 0%	1 0,5%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>II</b>	<b>Kết quả học tập</b>					
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	822 73,9%	226 83,7%	234 74,5%	232 73,4%	130 59,9%
	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	283 25,4%	44 16,3%	78 24,9%	78 25%	83 38,3%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	8 0,7%	0 0%	2 0,6%	2 0,6%	4 1,8%
	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>					
	HS xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	193 17,3%	43 15,9%	52 16,6%	62 19,9%	36 16,6%
	HS giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	629 56,5%	183 67,8%	182 58,0%	170 54,5%	94 43,3%
	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1113 100%	270 100%	314 100%	312 100%	217 100%
	KT lại, đánh giá lại sau hè	0	0	0	0	0
	Lưu ban	0	0	0	0	0
	Chuyển trường đi	3	1	1	1	0
	Chuyển trường đến	1	0	0	0	1
	Bỏ học	0	0	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Số HS đạt giải các kỳ thi HSG</b>					
	Cấp phường		Tham gia Hội thi “Họa mi vàng” do Đoàn phường tổ chức đạt giải Nhì toàn đoàn. Thi Sơ đồ tư duy sáng tạo Tiếng Anh			

			cấp phường đạt 1 Nhất, 1 Nhì, 2 Ba, 4 Khuyến khích.			
	Cấp tỉnh	303	<p>Thi HSG cấp tỉnh: <b>72 giải</b> (12 giải Nhất, 26 giải Nhì, 20 giải Ba, 14 giải Khuyến khích).</p> <p>Thi Tin học trẻ tỉnh Quảng Ninh năm 2026 đạt 01 giải Nhì, 4 giải KK.</p> <p>Câu lạc bộ Tiếng Anh tham gia cuộc thi “Câu lạc bộ Tiếng Anh” đạt giải Ba cấp tỉnh.</p> <p>Tham gia giải điền kinh học sinh: 01 Huy chương bạc cấp tỉnh.</p> <p>Tham gia giải Bơi học sinh tỉnh Quảng Ninh năm 2026 đạt 2 HCV, 2 HCB, 8 HCD.</p> <p>IOE: 106 giải vòng thi cấp tỉnh; Olympic chuyên Hạ Long 105 giải (15 HCV, 29 HCB, 37 HCD, 24 giải Khuyến khích).</p> <p>Vioedu: 2 giải Bạc</p>			
	Cấp quốc gia	46	<ul style="list-style-type: none"> <li>- IOE vòng thi cấp quốc gia: 20 giải.</li> <li>- Tham gia Kỳ thi Olympic Hóa học và khoa học tự nhiên dành cho HS phổ thông lần thứ III năm 2026 đạt 24 giải (3 HCV, 3 HCB, 5 HCD, 13 KK)</li> <li>- Học sinh Bùi Hồng Đức lớp 8A6 tham gia Chung kết toàn quốc cuộc thi “Trạng nguyên tuổi 13” năm 2025 đã xuất sắc giành giải Thám hoa (giải Nhì).</li> <li>- Học sinh Đặng Kim Hân đạt giải Khuyến khích cấp quốc gia Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc năm 2025.</li> </ul>			
V	Số HS lớp 9	217				217
VI	Số HS được công nhận hoàn thành chương trình	217				217

	giáo dục THCS					
VII	Số HS đổ vào các trường THPT công lập					
VIII	Số hs nam/số HS nữ	476/587	122/194	154/156	106/112	94/125
IX	Số HS dân tộc thiểu số	18	2	8	3	5

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Công khai báo cáo quyết toán tài chính năm 2025

STT	NỘI DUNG	NĂM 2025
1	Tổng thu hoạt động	11.634.224.066
	Thu từ học phí	
	Thu từ NSNN	11.634.224.066
	Thu khác	
2	Tổng chi hoạt động	11.634.224.066
	Chi tiền lương và thu nhập	9.432.010.848
	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	1.687.148.218
	Chi hỗ trợ người học	2.100.000
	Chi khác	512.965.000
3	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng	921.120.000
4	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	307.211.734

### 2. Công khai dự toán thu chi năm 2026

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Học phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	

<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	10.356.000.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.592.000.000
	<i>Nguồn kinh phí không thường xuyên</i>	
	<i>Nguồn tiền thưởng</i>	
<b>III</b>	<b>Tổng dự toán được chi từ ngân sách và nguồn học phí để lại</b>	

**3. Công khai quyết toán các khoản thu theo Nghị quyết 68/2025/HĐND của HĐND tỉnh và Quyết định 34/2026/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của UBND tỉnh Quảng Ninh năm học 2025-2026:**

Stt	Loại quỹ	Số dư đầu kì	Tổng thu	Tổng chi	Số dư cuối kì
1	Tiền Nước uống		103.927.500	103.927.500	0
2	Tiền Trông giữ phương tiện học sinh		116.505.000	116.505.000	0
3	Tiền ăn bán trú		2.042.112.000	2.042.112.000	0
4	Tiền quản lý HS trong giờ bán trú		632.698.860	632.698.860	0
5	Tiền điện sử dụng điều hoà lớp học		58.878.940	58.878.940	0
6	Tiền hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường		166.245.000	166.245.000	0

**4. Dự kiến các khoản thu và mức thu năm học 2026-2027**

TT	Nội dung các khoản thu	ĐVT	Mức thu theo quy định	Mức thu dự kiến	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Tiền ăn</b>	đồng/hs/ngày	30.000	28.000	
1.1	Tiền mua suất ăn			27.000	
1.2	Tiền chi phí gián tiếp (mua đồ dùng vệ sinh, điện, nước bán trú, chi phí đầu thầu)			1.000	
<b>2</b>	<b>Tiền quản lý bán trú</b>	đồng/hs/tháng	140.000	140.000	

3	<b>Tiền trông giữ các phương tiện học sinh</b>				
	Xe đạp thường	đồng/hs/tháng	30.000	30.000	
	Xe đạp điện	đồng/hs/tháng	50.000	45.000	
4	<b>Tiền nước uống học sinh</b>	đồng/hs/tháng	10.000	10.000	
5	<b>Tiền điện sử dụng điều hòa</b>		Thực tế	Thực tế	

### **5. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí năm học 2025-2026:**

- Kinh phí hỗ trợ Học phí cho học sinh theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025:

Kì I năm học 2025-2026: 602.100.000 đồng

Kì II năm học 2025-2026: 751.275.000 đồng

- Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh diện chính sách:

Kì I năm học 2025-2026: 600.000 đồng

Kì II năm học 2025-2026: 18.600.000 đồng

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

**1. Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa** nhằm giáo dục ý thức chấp hành pháp luật, giáo dục kỹ năng sống, lòng yêu nước và tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm và tạo sân chơi bổ ích cho học sinh.

**2. Công tác kiểm tra đánh giá:** Thực hiện theo Công văn số 4148/SGDDĐT-GDPT ngày 31/12/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện kiểm tra, đánh giá định kì đối với cấp trung học từ học kì 2 năm học 2024-2025.

**3. Công tác dạy thêm học thêm:** thực hiện theo Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về dạy thêm học thêm; Thông tư số 19/2026/TT-BGDĐT ngày 31/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT.

### **4. Công tác đánh giá xếp loại viên chức, chuẩn nghề nghiệp**

#### **4.1. Xếp loại viên chức**

- Cán bộ quản lý: đang chờ kết quả đánh giá của UBND phường

- Giáo viên, nhân viên: Tổng số 39 viên chức

+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 07

+ Hoàn thành tốt nhiệm vụ: 32

- 08 giáo viên hợp đồng (có thời gian làm việc trên 6 tháng): 8/8 Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

#### **4.2. Đánh giá chuẩn nghề nghiệp (tự đánh giá)**

- Xếp loại giáo viên viên chức theo chuẩn: 30 Tốt, 05 Khá.

- Phó Hiệu trưởng: Loại tốt : 2/2 = 100% Tốt

- Giáo viên hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP: 08/08 (=100%) loại Khá.

### 5. Công tác thi đua khen thưởng:

Đề nghị các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

- Tập thể:

+ Tập thể Lao động xuất sắc

+ Cờ thi đua của UBND tỉnh Quảng Ninh

- Cá nhân:

+ 42 Lao động tiên tiến.

+ 02 Bằng khen của UBND tỉnh

+ 02 Bằng khen của Bộ GD&ĐT

+ 11 Chiến sỹ thi đua cơ sở

+ 06 Giấy khen của UBND thành phố

+ 19 giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp phường. 03 giáo viên được tuyên dương xuất sắc trong Hội thi.

+ 02 cá nhân đăng ký CSTĐ cấp tỉnh.

Trên đây là báo cáo thường niên năm học 2025-2026 theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của trường THCS Chu Văn An./.

**Nơi nhận:**

- UBND phường (b/c);
- Phòng VH-XH (b/c);
- Công khai trên trang website;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Thị Bắc**